

Số: 60 /2022/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý,
sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 8
(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của
Quốc hội về thi điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính
sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản
Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng
thủy lợi.*

*Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của
Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản
và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng
12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm
nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực
lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức*

chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Theo Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng thay thế Nghị quyết số 150/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 và Nghị quyết số 64/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 303/BC-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2022. Riêng đối với các gói thầu đang triển khai thực hiện (trong giai đoạn chuyển tiếp về thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng), giao Ủy ban nhân dân thành phố có phương án xử lý hiệu quả, khả thi, nhanh nhất đảm bảo kịp thời thực hiện các nhiệm vụ đặt ra, phục vụ các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 150/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng và Nghị quyết số 64/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 150/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, Ủy ban nhân dân thành phố kịp thời tổng hợp, báo cáo, đề xuất Hội đồng nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 18 tháng 10 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố; Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Các Ban của HĐND thành phố; đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy; UBND, UBMTTQVN các quận, huyện; HĐND huyện Hòa Vang;
- Đảng ủy, UBND các phường, xã; HĐND các xã;
- Báo Đà Nẵng, Chuyên đề CA TPĐN, Đài PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Lương Nguyễn Minh Triết



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý,
sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND
ngày 18/10/2022 của HĐND thành phố)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng, gồm: Mua sắm, thuê, giao, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định của pháp luật; mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố bao gồm các loại tài sản theo quy định Điều 4 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, được giao cho các cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; văn phòng quận ủy, huyện ủy; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của thành phố quản lý, sử dụng.

3. Ngoài các nội dung tại Quy định này, các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan hành chính Nhà nước, bao gồm: Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân (UBND) quận, huyện; UBND xã, phường (gọi tắt là cơ quan).

UBND các quận và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc UBND các quận tổ chức thực hiện theo Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

2. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (gọi tắt là tổ chức).

3. Đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là đơn vị).
4. Văn phòng quận ủy, huyện ủy.
5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công phải phù hợp với quy định Nhà nước về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu công tác quản lý tài sản công của thành phố.

2. Tài sản công được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

3. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài sản công, xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về tài sản công, tạo điều kiện đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước và của thành phố về quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Đối với tài sản công là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc, tài sản khác gắn liền với đất (không phân

biệt cấp quản lý): UBND thành phố quyết định mua sắm để trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị phù hợp tiêu chuẩn, định mức do Chính phủ hoặc UBND thành phố ban hành theo thẩm quyền và trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước hàng năm được giao hoặc nguồn kinh phí được phép sử dụng theo quy định của pháp luật.

b) Đối với tài sản công là xe ô tô, tàu: Chủ tịch UBND thành phố quyết định mua sắm để trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị phù hợp tiêu chuẩn, định mức do Chính phủ hoặc UBND thành phố ban hành theo thẩm quyền và trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước hàng năm được giao hoặc nguồn kinh phí được phép sử dụng theo quy định của pháp luật.

c) Đối với tài sản công khác (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều này):

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định mua sắm tài sản công từ nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao trong dự toán ngân sách hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức, tự chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục và thực hiện mua sắm theo đúng quy định của pháp luật.

- Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng kinh phí từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác để mua sắm tài sản công theo quy định hiện hành và phù hợp về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư tự quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công

1. Đối với Trụ sở làm việc (không phân biệt cấp quản lý): Chủ tịch UBND thành phố quyết định việc thuê nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Đối với cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác (theo phạm vi quản lý của từng cấp):

a) Chủ tịch UBND thành phố quyết định việc thuê nhà, đất sử dụng làm cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác của các tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định việc thuê nhà, đất sử dụng làm cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND quận, huyện.

3. Đối với tài sản công khác (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này):

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định thuê tài sản công từ nguồn kinh phí trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định, tự chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục thuê tài sản theo quy định.

b) Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng kinh phí từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thuê tài sản công theo quy định hiện hành và phù hợp tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư tự quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. UBND thành phố quyết định thu hồi nhà, đất là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, công trình, vật kiến trúc và các tài sản khác gắn liền với đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn thành phố trong các trường hợp phải thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. UBND thành phố quyết định thu hồi tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước tại Văn phòng quận ủy, huyện ủy theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

3. Chủ tịch UBND thành phố quyết định thu hồi đối với xe ô tô, tàu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn thành phố trong các trường hợp phải thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi đối với tài sản công khác (trừ các tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) của các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND thành phố trong các trường hợp phải thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

5. Người đứng đầu các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định thu hồi đối với tài sản công khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc

phạm vi quản lý trong các trường hợp phải thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố sang cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam:

a) UBND thành phố quyết định điều chuyển trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác (không phân biệt cấp quản lý).

b) Chủ tịch UBND thành phố quyết định điều chuyển xe ô tô, tàu và tài sản công khác (trừ các tài sản công quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố:

a) Chủ tịch UBND thành phố quyết định điều chuyển trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác; xe ô tô, tàu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn thành phố (không phân biệt cấp quản lý).

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công khác (trừ các tài sản công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này) giữa các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND thành phố; giữa các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND thành phố và UBND quận, huyện; giữa UBND các quận, huyện.

c) Người đứng đầu sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND thành phố quyết định điều chuyển tài sản công khác (trừ các tài sản công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

d) Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định điều chuyển tài sản công khác (trừ các tài sản công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch UBND thành phố quyết định bán tài sản công theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với nhà, đất là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác và xe ô tô, tàu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn thành phố (không phân biệt cấp quản lý).

2. Người đứng đầu sở, ban, ngành; đơn vị trực thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định bán tài sản công khác (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1 Điều này) có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm (theo phạm vi quản lý của từng cấp) cũng là cơ quan, người có thẩm quyền quyết định bán tài sản công khác có nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập tự quyết định bán tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Đối với tài sản công là trụ sở làm việc và xe ô tô, tàu (không phân biệt cấp quản lý): Chủ tịch UBND thành phố quyết định thanh lý theo quy định tại Điều 45 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn thành phố.

2. Đối với tài sản công là cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác (trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Chủ tịch UBND thành phố quyết định thanh lý đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định thanh lý đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND quận, huyện.

3. Đối với tài sản công khác (trừ các tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này):

a) Đối với tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản:

- Người đứng đầu sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND thành phố; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc sở, ban, ngành quyết định và tổ chức thực hiện thanh lý tài sản được giao quản lý, sử dụng theo đúng quy định.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND quận, huyện quyết định và tổ chức thực hiện thanh lý tài sản được giao quản lý, sử dụng theo đúng quy định.

b) Đối với tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản:

- Người đứng đầu sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố, người đứng đầu cơ quan, tổ chức thuộc sở, ban, ngành; người đứng đầu cơ quan, tổ chức thuộc UBND quận, huyện quyết định và tổ chức thực hiện thanh lý tài sản được giao quản lý, sử dụng theo đúng quy định (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập).

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự quyết định thanh lý tài sản được giao quản lý, sử dụng theo đúng quy định tại Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

Điều 10. Thẩm quyền tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch UBND thành phố quyết định tiêu hủy tài sản công theo quy định tại Điều 46 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với các tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định tiêu hủy tài sản công theo quy định tại Điều 46 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với các tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND quận, huyện.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch UBND thành phố quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với:

a) Trụ sở làm việc và xe ô tô, tàu (không phân biệt cấp quản lý).

b) Cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác của các đơn vị trực thuộc UBND thành phố.

c) Tài sản công khác có nguyên giá từ 02 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Người đứng đầu sở, ban, ngành quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đối với:

a) Cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác.

b) Tài sản công khác (trừ điểm a, khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công khác (trừ xe ô tô, tàu và điểm b, khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND quận, huyện, đối với:

a) Cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc khác.

b) Tài sản công khác (trừ điểm a và b, khoản 1 Điều này).

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC KHÁC

Điều 12. Quản lý, sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước về: Điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi thành phố quản lý; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với dự án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố.

b) Chủ tịch UBND quận, huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước về: Điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của UBND quận, huyện; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với dự án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND quận, huyện.

2. Thẩm quyền xử lý tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng trong dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:

a) Chủ tịch UBND thành phố quyết định phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố theo quy định.

b) Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án thuộc phạm vi quản lý của UBND quận, huyện theo quy định.

Điều 13. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch UBND thành phố quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; thu hồi, điều chuyển, thanh lý, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch UBND thành phố quyết định về việc bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (không phân biệt cấp quản lý).

3. Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND quận, huyện.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch UBND thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa.

b) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

c) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện bị giải thể do Chủ tịch UBND thành phố quyết định giải thể.

d) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan thuộc UBND thành phố ký hợp đồng dự án.

2. Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện bị giải thể do Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định giải thể.

3. Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan thuộc UBND quận, huyện ký hợp đồng dự án.

4. Đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ các tài sản quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

a) Chủ tịch UBND thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản là bất động sản, xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy, các tài sản khác (không phải là bất động sản, xe ô tô, tàu, ca nô, xuồng máy) có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phân biệt cấp quản lý).

b) Tài sản khác (trừ các tài sản được quy định tại điểm a khoản 4 Điều này):

- Người đứng đầu sở, ban, ngành; đơn vị trực thuộc UBND thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản khác (trừ các tài sản được quy định tại điểm a khoản 4 Điều này), động vật sống, động vật hoang dã, tài sản không xác định được giá trị.

- Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản khác (trừ các tài sản được quy định tại điểm a khoản 4 Điều này), động vật sống, động vật hoang dã, tài sản không xác định được giá trị (thuộc phạm vi quản lý của UBND quận, huyện).

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

a) Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản là nhà, đất; xe ô tô, tàu và tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc địa phương (theo Chương II Luật Xử lý vi phạm hành chính) ban hành quyết định tịch thu.

b) Chủ tịch UBND quận, huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do Chủ tịch UBND quận, huyện, phường, xã ban hành quyết định tịch thu.

c) Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc địa phương (theo Chương II Luật Xử lý vi phạm hành chính) ban hành quyết định tịch thu (trừ điểm b khoản 1 Điều này); tài sản không xác định được giá trị.

2. Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu:

a) Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền, chuyển giao cho Sở Tài chính và phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện (trừ các tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP) bao gồm: Nhà đất, công trình, vật kiến trúc trên đất; xe ô tô, tàu; tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao cho Sở Tài chính (trừ công trình, vật kiến trúc trên đất; xe ô tô, tàu; tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản); tài sản không xác định được giá trị.

c) Chủ tịch UBND quận, huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao cho phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện (trừ công trình, vật kiến trúc trên đất; xe ô tô, tàu; tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

3. Tài sản là bất động sản vô chủ; tài sản không xác định được chủ sở hữu; tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên (theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ) là di tích lịch sử - văn hóa; di sản không có người thừa kế (bất động sản, di tích lịch sử - văn hóa) hoặc một vụ việc bao gồm nhiều loại tài sản khác nhau (bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản); tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; hàng hóa tồn đọng; Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt phương án xử lý.

4. Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên (theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ), di sản không người thừa kế (không thuộc phạm vi quy định tại khoản 3 Điều này): Chủ tịch UBND quận, huyện phê duyệt phương án xử lý.

5. Tài sản do các tổ chức cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước:

a) Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản là bất động sản, xe ô tô, tàu và các tài sản khác (không phải là bất động sản, xe ô tô, tàu) có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng.

b) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố phê duyệt phương án đối với tài sản khác (trừ các tài sản quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố tại điểm a khoản 5 Điều này), động vật sống, động vật hoang dã, tài sản

không xác định được giá trị được chuyển giao cụ thể cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận, quản lý, sử dụng.

c) Chủ tịch UBND quận, huyện phê duyệt phương án đối với tài sản khác (trừ các tài sản quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố tại điểm a khoản 5 Điều này), động vật sống, động vật hoang dã, tài sản không xác định được giá trị được chuyển giao cụ thể cho cơ quan, tổ chức, đơn vị (thuộc UBND quận, huyện) tiếp nhận, quản lý, sử dụng.

6. Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết: Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt phương án xử lý.

7. Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện bị giải thể (theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ): Người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân (quy định tại Điều 14) là người phê duyệt phương án xử lý.

8. Tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án: Người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân (quy định tại Điều 14) là người phê duyệt phương án xử lý.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng vốn nhà nước (theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định về việc mua sắm, thuê tài sản công khác quy định tại điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 4 và khoản 3, khoản 4 Điều 5 Quy định này. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục và thực hiện mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ theo đúng quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản pháp lý của Bộ, ngành, lĩnh vực có liên quan.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp

1. UBND các cấp thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật. Thống nhất quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương; công khai tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về tài sản công, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn, định mức, điều kiện, phương thức, trình tự thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Chủ tịch UBND các cấp và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn thành phố có trách nhiệm:

a) Xây dựng quy chế quản lý, sử dụng đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công tiết kiệm, có hiệu quả và đúng quy định của Nhà nước.

c) Triển khai thực hiện đúng quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại Quy định này và quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đầu thầu và các văn bản pháp lý có liên quan.

d) Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý triển khai thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, điều chuyển, thu hồi, thanh lý, cho thuê, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

đ) Chủ tịch UBND các cấp chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc tuân thủ quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn thành phố; xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm trong việc quản lý, sử dụng tài sản công, bảo đảm việc quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí tài sản công.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Giúp UBND thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước đối với tài sản công trên địa bàn thành phố theo quy định tại Điều 18 của Luật Quản lý và sử dụng tài sản công.

b) Hướng dẫn các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố, UBND các quận, huyện, xã, phường triển khai thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, điều chuyển, thu hồi, thanh lý, cho thuê, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố và quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

c) Hướng dẫn các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện việc đăng ký, kê khai tài sản công; thực hiện chế độ báo cáo và công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Bộ Tài chính.

d) Tổng hợp tình hình, báo cáo kết quả thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp. Đề xuất, kiến nghị UBND thành phố phương án quản lý, sử dụng tài sản công trong việc đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, điều chuyển, thu hồi, thanh lý, cho thuê, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố theo phân cấp.

đ) Nâng cao trách nhiệm, chất lượng thẩm định dự toán chi thường xuyên trong công tác xây dựng dự toán; kiểm tra về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành có liên quan...

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch các quận, huyện giúp UBND cùng cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo các nội dung tại khoản 3 Điều này đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn thành phố kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND thành phố, trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.